**TOÁN**

**ĐẠI SỐ**

**CHƯƠNG II: SỐ NGUYÊN**

**BÀI 1: SỐ NGUYÊN ÂM**

***1. Khái niện số nguyên âm:***

***- Các số -1, -2, -3, … là các số nguyên âm.***

***- Số nguyên âm được nhận biết bằng dấu “-” ở trước số tự nhiên khác 0.***

\* Ví dụ:

-5 là số nguyên âm, đọc là: âm năm hoặc trừ năm.

Âm ba được viết là -3.

**Bài tập** **1; 2; 3; 4**

**--------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**BÀI 2: TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. TẬP HỢP** $Z$ **CÁC SỐ NGUYÊN**

**Hoạt động 1:**

a) Tập hợp các chỉ số nhiệt độ:

A ={0oC, 2oC, 0oC, 2oC, 0oC, 2oC}

b) Tập hợp các chỉ số nhiệt độ gồm: $Z$, số 0.

Kết luận:

***- Số tự nhiên khác 0 còn được gọi là số nguyên dương.***

***- Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương tạo thành tập hợp các số nguyên.***

***- Tập hợp các số nguyên được kí hiệu là*** $Z$.

*Chú ý:(SGK)*

***Luyện tập 1.***

a) -6 $ϵ Z$

b) -10 $\notin $ $N$.

**II. Biểu diễn số nguyên trên trục số**

**a) Trục số nằm ngang:**

0

1

***Hoạt động 2:***

a)

- Điểm -5 nằm bên trái điểm gốc 0, cách điểm gốc 5 khoảng.

- Điểm -4 nằm bên trái điểm gốc 0, cách điểm gốc 4 khoảng.

- Điểm -2 nằm bên trái điểm gốc 0, cách điểm gốc 2 khoảng.

- Điểm 3 nằm bên trái điểm gốc 0, cách điểm gốc 3 khoảng.

- Điểm 5 nằm bên trái điểm gốc 0, cách điểm gốc 5 khoảng.

b) Số đo nhiệt kế chỉ ở ba hình lần lượt như sau: -1o­C, -2o­C**,** 3o­C **.**

Kết luận:

***Luyện tập 2:***

-6

-7

-4

-2

0

4

**III. Số đối của một số nguyên**

**Hoạt động 3:**

a) Điểm biểu diễn số 4 cách điểm gốc 0: 4 đơn vị.

b) Điểm biểu diễn số - 4 cách điểm gốc 0: 4 đơn vị

c) Khoảng cách từ điểm biểu diễn số 4 và - 4 đến điểm gốc 0 bằng nhau.

Kết luận:

*Nhận xét:*

-4 và 4 là hai số đối nhau.

-4 là số đối của 4 và 4 là số đối của -4.

***Luyện tập 3:***

- Ví dụ hai số nguyên đối nhau: 15 và -15; 6 vầ -6…

- Ví dụ về hai số nguyên không đối nhau: -3 và 5; 9 và -10

**IV. So sánh hai số nguyên**

**1. So sánh hai số nguyên**

***Hoạt động 4:***

a) Điểm - 3 nằm bên trái điểm 2.

b) Điểm - 2 nằm phía dưới điểm 1.

Kết luận:

\* Lưu ý:

- Số nguyên dương luôn lớn hơn 0.Số nguyên âm luôn nhỏ hơn 0.

- Nếu a < b và b < c thì a < c.

***Luyện tập 4:***

Thứ tự tăng dần của các số là: - 18 < - 12 < - 6 < 0 < 40.

**2. Cách so sánh hai số nguyên**

**a) So sánh hai số nguyên khác dấu:**

**Hoạt động 5:**

0

4

- 6

- Có -6 < 0 < 4 => -6 < 4.

Kết luận:

**b) So sánh hai số nguyên cùng dấu**

**Hoạt động 6:**

Có: 244 > 25

=> -244 < -25

Kết luận:

***Để so sánh hai số nguyên âm, ta làm như sau:***

***Bước 1: Bỏ dấu “-” trước hai số âm.***

***Bước 2: Trong hai số nguyên dương nhận được, số nào nhỏ hơn thì số nguyên âm ban đầu (tương ứng) sẽ lớn hơn.***

***Luyện tập 5:***

Thứ tự giảm dần của các số là: 58 > -154 > -219 > -618.

***\* Bài tập*** *1+2+3+****5 + 6+ 7***

-------------------------------------------------------------------------------------------------------

# BÀI 3: PHÉP CỘNG CÁC SỐ NGUYÊN

**I. Phép cộng hai số nguyên cùng dấu**

**1. Phép cộng hai số nguyên dương.**

- Cộng hai số nguyên dương chính là cộng hai số tự nhiên khác 0.

VD: 2 + 4 = 6.

=> Từ điểm 2 tiến sang phải 4 đơn vị, đến điểm mới là 6 ( Hình 6 - SGK).

**2. Phép cộng hai số nguyên âm**

**Hoạt động 1:**

 a) Tổng số tiền nợ ngân hàng của gia đình bạn Vinh là:

3 + 5 = 8 (triệu)

b) Phép tính:

 (- 5) + (- 3) = -8

**Hoạt động 2:**

*Bước 1:* Bỏ dấu “-“ trước mỗi số:

-3 $\rightarrow $ 3

-5 $\rightarrow $ 5

*Bước 2*: Tính tổng của hai số nguyên dương nhận được ở *Bước 1*:

3 + 5 = 8

*Bước 3:* Thêm dấu “-” trước kết quả nhận được ở Bước 2:

8 $\rightarrow $ -8

=> Ta có:

 (-3) + (-5) = -(3+5) = -8

Minh họa trên trục số: Từ - 3 lùi sang trái 5 đơn vị đến điểm mới là -8 (*Hình 7-SGK* - tr71).

Kết luận:

***Để cộng hai số nguyên âm, ta làm như sau:***

***Bước 1: Bỏ dấu “-” trước mỗi số.***

***Bước 2: Tính tổng của hai số nguyên dương nhận được ở Bước 1.***

***Bước 3: Thêm dấu “-” trước kết quả nhận được ở Bước 2, ta có tổng cần tìm.***

***Luyện tập 1:***

a) (-28) + (-82) = - (28 + 82) = -110

b) x + y = (- 81) + (- 16) = - (81 + 16) = - 97.

*\* Lưu ý:*

- Tổng của hai số nguyên dương là số nguyên dương.

- Tổng của hai số nguyên âm là số nguyên âm.

**II. Phép cộng hai số nguyên khác dấu**

**Hoạt động 3:**

**Hoạt động 4:**

*Bước 1*: Bỏ dấu “-” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại:

-3 $\rightarrow $ 3

-5 $\rightarrow $ 5

*Bước 2*: Trong hai số nguyên dương nhận được ở Bước 1, ta lấy số lớn hơn trừ đi số nhỏ hơn.

2 - 1 = 1

*Bước 3*: Cho hiệu vừa nhận được dấu ban đầu của số lớn hơn ở *Bước 2*:

1 $\rightarrow $ 1

Ta có: (-1) + 2 = 2 – 1 = 1

Minh họa trên trục số: Từ điểm -1 ta tiến sang phải 2 đơn vị đến điểm mới là 1 ( Hình 8 – SGK – tr72)

Kết luận:

***Để cộng hai số nguyên khác dấu, ta làm như sau:***

***Bước 1: Bỏ dấu “-“ trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại.***

***Bước 2: Trong hai số nguyên dương nhận được ở Bước 1, ta lấy số lớn hơn trừ đi số nhỏ hơn.***

***Bước 3: Cho hiệu vừa nhận được dấu ban đầu của số lớn hơn ở Bước 2, ta có tổng cần tìm.***

\* Chú ý: (SGK)

VD

***Luyện tập 2:***

***\* Bài tập*** *1+2+3*

**--------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**HÌNH HỌC**

**BÀI 4: : HÌNH THANG CÂN (tiẾp theo)**

**III. Chu vi và diện tích hình thang cân**

*- Chu vi của hình thang cân bằng tổng độ dài các cạnh của hình thang đó.*

*- Diện tích của hình thang bằng tổng độ dài hai đáy nhân với chiều cao rồi chia đôi.*

*VD: ( SGK – tr106)*

***Luyện tập:***

Chu vi của hình thang cân PQRS là:

10 + 6 + 3 x 2 = 22 (cm)

Đáp số: 22 cm

***\*Bài tập 1 ; 2 ; 3***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phương pháp lọc | Phương pháp cô cạn | Phương pháp chiết |
| Tách chất rắn không tan ra khỏi chất lỏng | Tách chất rắn hòa tan ra khỏi dung dịch đó | Tách chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất |

**6 – KHTN**

**BÀI 16: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖ HỢP**

## BÀI 17: TẾ BÀO

**I. Khái quát chung về tế bào**

- Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào

- Tế bào có kích thước nhỏ, phần lớn không quan sát được bằng mắt thường mà phải quan sát bằng kính hiển vi

- Tế bào có hình dạng khác nhau: hình cauaf, hình đĩa, hình sợ, jinhf sao, hình trụ, hình thoi, hình nhiều cạnh….

- Tế bào được cấu tạo từ ba thành phần chính là: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào hoặc vùng nhân, các thành phần này thực hiện chức năng khác nhau

- Tế bào động vật và thwucj vật đều là tế bào nhân thực

- Tế bào thực vật có bào quan lực lạp thực hiện chức năng quang hợp

**NGỮ VĂN**

**TIẾT 41: ÔN TẬP**

**I. Ôn tập văn bản**

- Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương.

- Việt Nam quê hương ta

 **Tóm tắt nội dung các văn bản đã học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Nội dung** | **Thể loại** |
| Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương | Thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đất nước qua vẻ đẹp của thiên nhiên tươi đẹp trù phú, của những địa danh gắn liền với lịch sử đấu tranh anh hùng. | Ca dao |
| Việt Nam quê hương ta | Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, của những con người lao động cần cù, chịu khó, truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng chung thuỷ, sự tài hoa của con người Việt Nam. | Thơ lục bát |

**II. Ôn tập viết**

**Đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát**

|  |  |
| --- | --- |
| Phương diện | Đặc điểm |
| Hình thức | Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ vết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng. |
| Đoạn văn đảm bảo cấu trúc gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. |
| Nội dung | Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát |
| Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. |

**TIẾT 42, 43: VĂN BẢN: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN27**

**(Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí”)**

**– *Tô Hoài* –**

**I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

- Tô Hoài (1920 – 2014)

Tên thật: Nguyễn Sen

Quê: Hà Nội

Viết văn từ trước CMT8/1945 và chuyên viết cho thiếu nhi.

**2. Tác phẩm**

**a) Đọc và tóm tắt**

Đọc

Tóm tắt

**b) Tìm hiểu chung**

- Thể loại: truyện

- Nhân vật chính: Dế Mèn

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất

- Lời kể của Dế Mèn

- Bố cục: 2 phần

+ P1: Từ đầu … đứng đầu thiên hạ rồi à Chân dung của Dế Mèn

+ P2: Còn lại: là Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

**II. TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình dáng | Hành động | Suy nghĩ | Ngôn ngữ |
| - Chàng dế thanh niên cường tráng+ Càng: mẫm bóng+ Vuốt: cứng, nhọn hoắt+ Cánh: dài tận chấm đuôi một màu nâu bóng mỡ+ Đầu: to, rất bướng+ Răng: đen nhánh+ Râu: dài, cong | - Đạp phanh phách- Vũ lên phành phạch- Nhai ngoàm ngoạptrịnh trọng vuốt râu- Cà khịa, quát nạt, đá ghẹo | - Tôi tợn lắm.- Tôi cho là tôi giỏi.- Tôi tưởng: lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba, càng tưởng tôi là tay ghê ghớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi. | - Gọi Dế Choắt là “chú mày”, xưng “anh”.- Gọi chị Cốc là “mày” xưng “tao”. |
| Mang đặc điểm củangười và loài vật. | Vừa mang đặc điểm của người vừa mang đặc điểm của loài vật. | Mang đặc điểm của loài người. | Mang đặc điểm của loài người. |

- Nghệ thuật: nhân hoá ⭢ Nhân vật Dế Mèn mang đặc điểm của con người (*Nhân vật trong tác phẩm*)

⭢Đây là lối miêu tả thường được sử dụng ở truyện đồng thoại.

|  |  |
| --- | --- |
| => Dế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, có vẻ đẹp hùng dũng của con nhà võ (*nét đẹp*). | => Dế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xốc nổi (*nét chưa đẹp*). |

- Dế Mèn vừa mang đặc điểm của loài vật vừa mang đặc điểm của con người (*Kiểu nhân vật trong truyện đồng thoại*).

**a) Nhân vật Dế Choắt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hình dáng | Cách sinh hoạt | Ngôn ngữ |
| Chạc tuổi: Dế Mèn- Người: gầy gò, dài lêu ngêu như gã nghiện thuốc phiện.- Cánh: ngắn củn … như người cởi trần mặc áo ghi lê.- Đôi càng: bè bè, nặng nề.- Râu: cụt có một mẩu.- Mặt mũi: ngẩn ngẩn ngơ ngơ. | - Ăn xổi, ở thì | - Giao tiếp với Dế Mèn:+ Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”.+ Trước khi mất: gọi “anh” xưng“tôi” và nói: “ở đời….thân”.- Giao tiếp với chị Cốc:+ Van lạy …+ Gọi “chị”, xưng “em” |

⭢ Nghệ thuật: nhân hoá, sử dụng thành ngữ.

=> Gầy gò, ốm yếu nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.

(Choắt cũng giống như Mèn, vừa mang đặc điểm của loài vật, vừa mang bóng dáng của con người à đặc điểm của nhân vật trong truyện đồng thoại)

**b) Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt**

Chê bai nhà cửa và lối sống của Dế Choắt.

Từ chối lời đề nghị cần giúp đỡ của Choắt.

=> *Khinh bỉ, coi thường Dế Choắt.*

**c) Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Dế Mèn | Trước khi trêu chị Cốc | Sau khi trêu chị Cốc | Hậu quả |
| Hành động | - Mắng, coi thường, bắt nạt Choắt.- Cất giọng véo von trêu chị Cốc. | - Chui tọt vào hang.- Núp tận đáy hang, nằm in thít.- Mon men bò lên. | Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết |
| Thái độ | Hung hăng, ngạo mạn, xấc xược. | - Chôn Dế Choắt. Sợ hãi, hèn nhát | - Hối hận |
| Bài học | - Không nên kiêu căng, coi thường người khác.- Không nên xốc nổi để rồi hành động điên rồ. |

**III. TỔNG KẾT**

**1. Nghệ thuật**

- Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác.

- Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.

⭢*Lối miêu tả của truyện đồng thoại.*

**2. Nội dung**

- Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.

- Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.

⭢*Kiểu nhân vật trong truyện đồng thoại.*

**3. Ý nghĩa**

- Không nên quá đề cao bản thân rồi rước hoạ.

- Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh.

⭢*Bài học rút ra cho bản thân.*

**TIẾT 44: VĂN BẢN 2: GIỌT SƯƠNG ĐÊM**

**I. Tìm hiểu chung**

***1. Tác giả***

- Tên: Trần Đức Tiến

- Năm sinh: 1953

- Quê quán: Hà Nam

- Chủ đề sáng tác: ông viết nhiều truyện ngắn cho thiếu nhi.

***2. Tác phẩm***

- In trong tập Xóm bờ Giậu, năm 2018

***3. Đọc, tìm hiểu chú thích***

- Thể loại: truyện đồng thoại

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

**II. Tìm hiểu chi tiết**

***1. Nhận vật Bọ Dừa***

*a. Khi đến xóm Bờ Giậu*

- Thời gian: chạng vạng tối

- Mục đích: tìm chỗ trọ qua đêm.

- Thái độ của Bọ Dừa khi Thằn Lằn ngỏ ý ở nhà của bác: giật mình, run run, lo sợ.

- Bọ Dừa chọn nơi để ngủ: dưới vòm trúc.

*b. Trong đêm ngủ ở xóm Bờ Giậu*

- Những thanh âm: lá cây xào xạc, côn trùng rỉ rả, tiếng Tắc Kè gọi cửa, tiếng Ốc Sên đi làm về. tiếng thở dài của gió, tiếng rơi của sương.

- Nghệ thuật nhân hóa, khiến cho các sự vật trở nên gần gũi, thân thuộc.

🡪 những âm thanh rất thân quen với làng quê.

- Tác giả có sự quan sát tỉ mỉ, rất tinh tế và am hiểu về đời sống các loài vật.

*c. Sáng hôm sau khi tỉnh giấc tại xóm Bờ Giậu*

- Hành động, trạng thái: ăn mặc chỉnh tề, cảm thấy hài lòng sau một đêm mất ngủ.

- Lí do muốn trở về quê: giọt sương🡪 khiến ông sực nhớ quê nhà.

- Những âm thanh, hình ảnh trong đêm mất ngủ đã gợi nhắc BD về hình ảnh quê hương mà bao lâu nay ông bỏ quên.

**TIẾNG ANH**

**UNIT 4. MY NEIGHBORHOOD**

1. **Vocabulary** *(Từ vựng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Word** | **Pronunciation** | **Type** | **Meaning** |
| **art gallery** | */'a:t'gæl.ər.i/* | n | phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật |
| **backyard** | */,bæk'jɑ:d/* | n | sân sau |
| **cathedral** | */kə'θi:drəl/* | n | nhà thờ lớn, thánh đường |
| **Convenient****Convenience****Conveniently****inconvenient** | */kən'vi:.ni.ənt/**/kən'vi:niəns/**/kən'vi:niəntli/**/,iŋkən'vi:ni.ənt/* | adjnadvadj | tiện lợi, thuận tiệnsự tiện lợi, sự thuận tiệnmột cách tiện lợibất tiện, phiền phức |
| **crowded** | */kraʊdid/* | adj | đông đúc, đông người |
| Like ><dislike  | */laik/ > </dis'laik/* | n | thích, ưa > < không ưa, ghét |
| **exciting** | */ik'sai.tiη/* | adj | Thú vị, lí thú, hứng thú |
| **fantastic** | */fæn'tæstik/* | adj | kỳ diệu; tuyệt vời |
| **historic** | */hi'stɒr.ik/* | adj | cổ, cổ kính, có tính chất lịch sử |
| **incredibly** | */in'kred.i.bli/* | adv | đáng kinh ngạc  |
| **memorial** | */mə'mɔ:ri.əl/* | n | đài tưởng niệm |
| **modern** | */'mɒd.ən/* | adj | hiện đại |
| **pagoda** | */pə'gəu.də/* | n | ngôi chùa |
| **peaceful** | */'pi:s.fəl/* | adj | yên tĩnh, bình lặng |
| **polluted** | */pə'lu:tid/* | adj | ô nhiễm |
| **quiet** | */'kwaiət/* | adj | yên lặng, yên tĩnh; êm ả |
| Railway station | */'reil.wei 'stei.∫ən/* | n | ga tàu hỏa |
| **square** | */skweə[r]/* | n | quảng trường |
| **statue** | */'stæt∫u:/* | n | bức tượng |
| **suburb** | */'sʌb.ɜ:d/* | n | vùng ngoại ô |
| **temple** | */'tem.pl/* | n | đền, điện, miếu |
| **terrible** | */'terəbl/* | adj | tồi tệ |
| **workshop** | */'wɜ:k∫ɒp/* | n | phân xưởng (sản xuất, sữa chữa) |

1. **Grammar** *(Ngữ pháp)*
* **Comparative adjective.** *(Tính từ so sánh hơn.)*

## Tính từ ngắn: tính từ có 1 âm tiết, hoặc 2 âm tiết nhưng chữ cái cuối cùng của âm tiết thứ hai có kết thúc là *–y, –le, –ow, –er, và –et* được cho là *tính từ ngắn*.

**Ex**:

**Short** – */ʃɔːrt/*:  ngắn

Sweet *– /swiːt/:*ngọt

Clever – */ˈklev.ɚ/*: khéo léo, khôn khéo

## Tính từ dài: Những tính từ có từ ba âm tiết trở lên được gọi là tính từ dài.

## Ex:

## Beautiful – /ˈbjuː.t̬ə.fəl/:  đẹpIntelligent – /ɪnˈtel.ə.dʒənt/:  thông minhExpensive – /ɪkˈspen.sɪv/:  đắt đỏ

* **Công thức:**

**Short adj**: S + V + adj + **er** + **than** + N/ pronoun

**Long adj**: S + V + **more** + adj + **than** + N/ pronoun

**Ex**:

* She is **taller than** me. *(Cô ấy thì cao hơn tôi.)*
* This box is **more beautiful than** that one. *(Cái hộp này thì đẹp hơn cái hộp kia.)*

**Dạng khác:** *So sánh ít hơn*

**S + V + less + adj + than + N/pronoun**

* **Note:**
* Trong câu so sánh hơn kém, đối với tính từ ngắn ta chỉ cần thêm –**er** vào sau. Trong câu so sánh nhất thêm **–est**.

**Ex:**

* Sharp – sharper – the sharpest *(sắc – sắc hơn – sắc nhất)*
* Light – lighter – the lightest *(nhẹ – nhẹ hơn – nhẹ nhất)*
* Thêm **–r** nếu tính từ kết thúc tận cùng bằng **nguyên âm – e** trong câu so sánh hơn kém, hoặc thêm **–st** nếu trong câu **so sánh cao nhất**.

**Ex**:

* Nice – nicer – the nicest *(đẹp – đẹp hơn – đẹp nhất)*
* Close – closer – the closest *(gần – gần hơn – gần nhất)*
* Nếu tính từ kết thúc bằng **“y”** thì trong câu so sánh ta **bỏ** **“y”** để thêm **-ier** trong câu so sánh hơn kém, và thêm **-iest** trong câu so sánh cao nhất.

**Ex**:

* Happy – happier – the happiest *(hạnh phúc – hạnh phúc hơn – hạnh phúc nhất)*
* Easy – easier – the easiest *(dễ dàng – dễ dàng hơn – dễ dàng nhất)*
* Nếu trước phụ âm sau cùng là **một nguyên âm** thì cần **gấp đôi phụ âm** đó rồi mới **thêm – er** hoặc **– iest**.

**Ex**:

* Hot – hotter – the hottest *(nóng – nóng hơn – nóng nhất)*
* Big – bigger – the biggest *(to lớn – to hơn – to nhất)*
* Trong câu so sánh hơn kém chỉ cần thêm **more** vào trước tính từ, trong câu so sánh hơn nhất thì thêm **the most** vào trước tính từ.

**Ex**:

* More beautiful – the most beautiful *(đẹp hơn – đẹp nhất)*
* Những tính từ kết thúc bằng –le,–ow, –er, và –et thì có thể vừa thêm -er, -iest vào sau hoặc thêm more, the most vào trước tính từ.

**Ex**:

* Quiet – quieter – quietest/ more quiet – the most quiet.
* Clever – cleverer/– cleverest/ more clever – the most cleaver.
* Narrow – narrower – narrowest /more narrow – the most narrow.
* Simple – simpler – simplest /more simple – the most simple.
* Một số tính từ bất quy tắc khi so sánh hơn kém và cao nhất, phải học thuộc chúng.

**Ex**:

* Good – better – the best.
* Bad – worse – the worst.
* Far– farther/ further – the farthest/ furthest.
1. **Exercises** *(Bài tập)*
2. **Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.**
3. A. cheap B. six C. meet D. She
4. A. tin B. this C. three D. sister
5. A. sweet B. where C. cheap D. sheep
6. A. leave B. bread C. repeat D. peaceful
7. A. street B. meal C. coffee D. clean
8. A. dislike B. advice C. rice D. police
9. **Odd one out**
10. A. square B. railway station C. art gallery D. narrow
11. A. convenient B. noisy C. statue D. polluted
12. A. sleepy B. factory C. happy D. friendly
13. A. faster B. clever C. hotter D. noisier
14. A. neighbour B. suburbs C. backyard D. park
15. A. cathedral B. pagoda C. temple D. restaurant
16. **Choose the correct words to complete the sentences.**
17. That building is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ than this one.
18. tall b. taller c. more tall d. more taller
19. I’d like \_\_\_\_\_\_\_\_\_ you some things about my neighbourhood.
20. to tell b. tell c. telling d. a & c
21. The town has many motorbikes. It’s very \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.
22. quiet b. noisy c. hot d. peaceful
23. Is Hanoi more \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ than Dalat?
24. exciting b. hot c. large d. noisier
25. Excuse me. I need some stamps and envelops. Is there a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ near here?
26. park b. cathedral c. chemist’s d. post office
27. Every house \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a backyard and a front yard.
28. have b. has c. is d. are
29. I think we \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
30. lost b. are lost c. lose d. are losing
31. People here are \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
32. friendly b. more friendly c. more friendlier d. all are correct
33. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ go to the museum this weekend?
34. Would you like b. Shall we c. Let’s d. all are correct
35. It is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ here because there’s always a lot of traffic.
36. quiet b. noisy c. historic d. all are correct
37. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ lots of places to see.
38. there are b. there is c. it’s d. they’re

**IV. Write sentences with the cues given. Follow the model**

1. A rose/ beautiful/ a weed

=> *a rose is more beautiful than a weed.*

2. A dog/ intelligent/ a chicken.

=>\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

3. Ba/ friendly/ Nam.

=>\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

4.Your house/ far/ from school / my house.

=>\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

5. A horse/ strong/ a person.

=>\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**V.**  **Rewrite these sentences, keeping the original meaning:**

1. My house is bigger than your house.

=> **Your house is**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

2. The black car is cheaper than the red car.

=> **The red car**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

3. This film is more interesting than that one.

=> **That film is**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_..

4. My kitchen is smaller than yours.

=> **Your kitchen**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**VI. Give the correct form of comparative.**

1. My sister is ………………….. (good- looking) than I am.

2. A book is ……………………. (wonderful) than a comic.

3. Nina walks ……………… (slowly) than her father.

4. She is ………….. (happy) than I am.

5. This bike is…………….. (cheap) than mine.

6. This house is much …………………… (comfortable) than that one.

7. A dog is ………………….. ( heavy) than a cat.

8. My pencil is…………. ( long) than yours.

9. New teacher is ……………… ( nice) than old one.

10. Ho Chi Minh is………………. ( large) than Bien Hoa.

**VII. Choose the answer.**

1. This exam was **easier/more easy** than old one.
2. Vung Tau is **boreder/more bored** than Nha Trang.
3. She is **prettier/more pretty** than Nina.
4. She is **lazier/more lazy** than I am.
5. The well is **deeper/more deep** than I think.
6. I love this bag because it is **comfortabler/more comfortable**.
7. This film is **boringer/more boring** than I expect.
8. He is **taller/more tall** than I am.

**VIII. Find the word which has a different sound in the underlined part.**

1. **A.** arrive **B.** quickly **C.** historic **D.** city

2.**A.** teens **B.** see **C.** coffee **D.** street

3.**A.** convenient **B.** evening **C.** exciting **D.** eve

4.**A.** expensive **B.** opposite **C.** those **D.** noisy

5.**A.** ideal **B.** cinema **C.** exciting **D.** difficult

**XIX. Find one odd word for each question, and then read them aloud.**

6. **A.** exciting **B.** boring **C.** interesting **D.** convenient

7.**A.** big **B.** tall **C.** wide **D.** expensive

8.**A.** suburb **B.** park **C.** memorial **D.** market

9.**A.** sunny **B.** beaches **C.** weather **D.** supermarket

10.**A.** cross **B.** turn **C.** straight **D.** buy

**X. Choose the correct answers.**

11. Is there a theatre your neighbourhood?

**A.** in **B.** on **C.** at **D.** with

12. the second turning the right.

**A.** Take – in **B.** Take - on **C.** Get - in **D.** Get - on

13. The map that the art gallery is nearer than the cathedral. Shall we go there first?

**A.** speaks **B.** asks **C.** says **D.** talks

14. A is a place where we go to buy stamps or send letters.

**A.** library **B.** post office **C.** cinema **D.** school

15. The air in this area is with smoke from factories.

**A.** polluted **B.** fresh **C.** noisy **D.** clean

16. There are many shops near here, so the streets are very busy and during the day.

**A.** noise **B.** narrow **C.** quiet **D.** noisy

17. It is to live far from the market and the supermarket.

**A.** easy **B.** inconvenient **C.** convenient **D.** comfortable

18. The people in Hoi An are incredibly and .

**A.** friendly – help **B.** friendly - helpful

**C.** friendship - helpless **D.** friend - helpfully

19. The weather is nice, so I enjoy doing activities.

**A.** outdoor **B.** inside **C.** outdoors **D.** boring

20. The cinema is the corner of the street.

**A.** on **B.** in **C.** at **D.** into

21. Going by taxi is more than going by bus.

**A.** cheaper **B.** faster **C.** easier **D.** expensive

22. The streets in the Old Quarter in Ha Noi are not wide. They are .

**A.** exciting **B.** noisy **C.** narrow **D.** quiet

23. A is a place where we can buy medicines, soap, and make-up.

**A.** chemist’s **B.** grocer’s **C.** square **D.** temple

24. David's exam results are than Nick's.

**A.** good **B.** well **C.** better **D.** important

25. Janet is not happy because her results in the competition are than her sister's.

**A.** bad **B.** good **C.** better **D.** worse

26. people own motorbikes now than ten years ago.

**A.** Many **B.** Much **C.** More **D.** Some

27. This type of car is economical than that type.

**A.** more **B.** much **C.** many **D.** as

28. go past the traffic lights, and turn left.

**A.** First - than **B.** First - then **C.** Then - first **D.** Finally - then

29. London, the capital city of England, is a city with many old buildings, and beautiful parks.

**A.** history **B.** historic **C.** largest **D.** larger

**SỬ 6**

**BÀI 10: HY LẠP CỔ ĐẠI(TT)**

**III: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU:**

\* Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hi Lạp cổ đại:

- Chữ viết: sáng tạo ra hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái.

- Văn học: 2 bộ sử thi nổi tiếng là I-li-át và Ô-đi-xê được lưu lại cho đời sau.

- Khoa học:

+Về toán học có Tailét, Pi-ta-go, Ơ-clít, Ác-si-mét.

+ Về sử học có Hê-rô-đốt, Tuy- xi-dít.

+ Về triết học có Xô-crát, Pla-tông (Platon), A-ri-xtốt.

- Kiến trúc và điêu khắc:

+ Kiến trúc :Đền Pác-tê-nông , đền A-tê-na, nhà hát Đi-ô-ni-xốt của A-ten.

+ Điêu khắc: tượng thần Dớt, tượng nữ thần A-tê-na, tượng Vệ nữ thành Mi-lô

**BÀI 11. LA MÃ CỔ ĐẠI**

**I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:**

- Điều điều kiện tự nhiên nổi bật của La Mã cổ đại:

+ Vị trí: là bán đảo I-ta-li-a. Có vùng đồng bằng màu mỡ ở thung lũng sông và sông Ti-bơ, đảo Xi-xin.

+ Bán đảo I-ta-li-a có hàng nghìn km đường bờ biển, nằm ở vị trí trung tâm Địa Trung Hải.

+ Trong lòng đất chứa chứa nhiều đồng, chì, sắt.

- Điều kiện tự nhiên đã ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh La Mã:

+ Thuận lợi trồng trọt, chăn nuôi.

+ Các ngành thủ công rất phát triển.

+ Giao thương, buôn bán hoạt động hàng hải phát triển.

**II.TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC LA MÃ CỔ ĐẠI:**

- Ban đầu là một thành bang nhỏ bé ở miền Trung bán đảo I-ta-li-a.

-Vào đầu thế kỉ II, lãnh thổ của đế chế La Mã bao gồm toàn bộ các vùng đất xung quanh Địa Trung Hải, các vùng đất ven bờ Đại Tây Dương và quần đảo Anh.

-Vào thời Cộng hoà, Viện nguyên lão có quyền lực cao nhất.

-Từ năm 27 TCN sang thời Đế chế, Hoàng đế có quyền lực cao nhất, Viện nguyên lão chỉ còn là hình thức.

**ĐỊA LÍ 6**

**BÀI 6: CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ**

**I.CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC:**

- Hướng tự quay quanh trục của Trái Đất: từ tây sang đông (ngược chiều kim đồng hồ).

- Góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay: không đổi, nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc 66°33’.

- Thời gian Trái Đất tự quay quanh trục hết một vòng: 24 giờ (1 ngày đêm).

**II. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT :**

1. **Sự luân phiên ngày đêm:**

 **-**Là do Trái đất có dạng hình cầu nên Mặt trời chỉ chiếu sáng được một nửa, nửa được chiếu sáng là ngày, nửa không được chiếu sáng là đêm.

-Do Trái Đất tự quay quanh trục từ tây sang đông nên ở mọi nơi trên bề mặt Trái đất đều lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau

**GDCD**

**Bài 4:TÔN TRỌNG SỰ THẬT (tiếp theo)**

**2. Ý nghĩa của tôn trọng sự thật**

**+ Tôn trọng sự thật là** đức tính cần thiết, quý báu

**+ Vì:**

**-** Giúp con người nâng cao phẩm giá bản thân,

- Góp phần tạo ra các mối quan hệ xã hội tốt đẹp,

- Được mọi người tin yêu, quý trọng.

**3. Cách rèn luyện**

- Có nhận thức đúng

- Hành động và thái độ phù hợp

- Bảo vệ sự thật

Phê phán hành vi gian dối

**\*Bài tập**

**1. Tình huống 3**: Hà và mẹ đang đứng đợi xe buýt. Có một cụ già mù bán vé số lại gần và nói: “Chỉ có mười nghìn thôi, cô chú mua hộ tôi một tờ với!” Một anh thanh niên gọi lại và mua cho cụ. Hà thấy anh thanh niên đó rút 6 tờ vé số nhưng chỉ đưa cụ già 50 nghìn đồng. Hà vội nói với anh thanh niên: “Anh có trả nhầm tiền cho cụ không ạ?”

- Nêu nhận xét của em về hành động của anh thanh niên ?

- Bày tỏ thái độ của em về hành động của bạn Hà ?

2.? Em hãy thiết kế tấm thiệp và cam kết thực hiện thông điệp trong đó

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**CHỦ ĐỀ: Chạy cự ly ngắn**

**Tiết PPCT 21:**

\* Ôn: Các giai đoạn chạy ngắn: Xuất phát, chạy lao sau xuất phát, chạy giữa quãng và chạy về đích.

\* Học: Một số điều luật cơ bản (chạy ngắn).

**Tiết PPCT 22:**

Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn.